TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 5 năm 2019
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Văn Năm** - Ông **Trịnh Văn Điệp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp: "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Hứa Vũ B**, sinh năm 1994.

- *Bị đơn*: Chị **Lê Thị K**, sinh năm 1996.

Cùng trú tại: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

(*Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh ***Hứa Vũ B*** *trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị K chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, nhưng gần đây phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn lại được, do nhiều nguyên nhân khác nhau. Nay, nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn, không thể kéo dài nên yêu cầu xin ly hôn với chị K.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ: Anh xác định không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, anh yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đối với bị đơn chị ***Lê Thị K:*** Khi thụ lý, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị K vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn chị Lê Thị K có nơi trú tại Huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; về quan hệ pháp luật là: "*Ly hôn"*. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Anh B có đơn xin xét xử vắng mặt; chị K vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên và bị đơn theo quy định.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh B, chị K chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh B yêu cầu ly hôn chị K, vì anh cho rằng cuộc sống vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không hạnh phúc. Hơn nữa, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung và không thể hòa hợp trong cuộc sống. Đối với chị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị K không có văn bản hay ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của anh B.

Xét, giữa anh B, chị K đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B, cho anh B được ly hôn với chị K là phù hợp.

[3] *Về con chung, về tài sản chung và nợ chung:* Anh B xác định không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

Về hôn nhân: Anh Hứa Vủ Bằng được ly hôn với chị Lê Thị K.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Anh B xác định không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh Hứa Vủ Bằng đã dự nộp trước 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002857 ngày 15/3/2019 được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang